

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Cẩm

- Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 01/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th – sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Bảo AT, xã ĐQ, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi S – sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố LV, phường PT, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị với anh Bùi S tìm hiểu và tự nguyện đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Đức Phổ (nay là phường PT, thị xã Đức Phổ) vào ngày 26/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với cha mẹ chồng, sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S ăn chơi, cờ bạc và đánh đập chị nhiều lần, nhưng vì thương con nên chị nhẫn nhịn chịu đựng bỏ qua; nhưng anh S ngày càng chơi đánh bạc nhiều hơn dẫn đến chị ôm con về cha mẹ đẻ ở từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh S không còn thương yêu nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi S.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Bùi Khôi Ng, sinh ngày 07/12/2019, hiện nay chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2022 bị đơn là anh Bùi S trình bày: Anh và chị Th tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Đức Phổ (nay là phường PT, thị xã Đức Phổ) vào năm 2019. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên cả hai về quê vợ ở Quảng Nam làm ăn rồi xảy ra cãi vã và tự sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân chị Th có quan hệ tình cảm với người khác. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị Th thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ con. Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Bùi Khôi Ng, sinh ngày 07/12/2019, hiện đang ở chị Th. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi S.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Khôi Ng – sinh ngày 07/12/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xét.

- Về án phí: Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do hoặc không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi S kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Đức Phổ (nay là phường PT, thị xã Đức Phổ) vào ngày 26/3/2019, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S là hoàn toàn hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn

nhau nên phát sinh mâu thuẫn; anh, chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay, phần ai người ấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Th xin ly hôn anh S là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi S có một con chung tên Bùi Khôi Ng, hiện nay do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; khi ly hôn chị Th và anh S đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của chị Th và anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Bùi Khôi Ng – sinh ngày 07/12/2019, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Ng dưới 36 tháng tuổi; để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Khôi Ng cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Bùi S.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Khôi Ng – sinh ngày 07/12/2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001364, ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th, anh Bùi S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- UBND phường PT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn